TUẦN 1-2:
TÁC PHẨM VĂN HỌC

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG 8 -1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

I. KHÁI QUÁT VHVN TỪ CMT8-1945 ĐẾN 1975.

1. Hoàn cảnh LS, XH, VH:

- Chiến tranh giải phóng dân tộc kéo dài ba mươi năm, miền Bắc xây dựng cuộc sống mới.
- Giao lưu văn hoá với nước ngoài không thuận lợi, chỉ giới hạn trong một số nước.
- Nền văn học mới vận động và phát triển dưới sự lãnh đạo của đảng

2. Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu:

- Chặng đường từ năm 1945 đến 1954: Văn học tập trung ca ngợi Tổ quốc và quần chúng nhân dân với niềm tin tất thắng.
- Chặng đường từ năm 1955 đến 1964: Văn học tập trung thể hiện hình ảnh con người mới, cuộc sống mới, không khí xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; nỗi đau chia cắt và ý chí thống nhất đất nước.
- Chặng đường từ năm 1965 đến 1975: Văn học tập trung viết về cuộc kháng chiến chống Mĩ, ca ngợi con người Việt Nam anh hùng.

3. Những đặc điểm cơ bản:

a.Nền VH chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước, phục vụ cách mạng, cổ vũ chiến đấu:

-Văn học trước hết phải là một thứ vũ khí phục vụ sự nghiệp cách mạng, theo sát từng nhiệm vụ chính trị của đất nước. Sáng tác tập trung vào hai đề tài: Tổ quốc và CNXH.

- Nền văn học mới được khai sinh kiến tạo theo mô hình: "Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận" cùng với kiểu nhà văn mới: nhà văn – chiến sĩ.

b.Nền VH hướng về đại chúng, tìm đến những hình thức nghệ thuật quen thuộc với nhân dân :

-Đại chúng vừa là đối tượng phản ánh và đối tượng phục vụ, vừa là nguồn cung cấp bổ sung lực lượng sáng tác cho văn học.

-Hướng về đại chúng phần lớn văn học Việt Nam từ năm 1945-1975 là những tác phẩm ngắn gọn, nội dung dễ hiểu, ngôn ngữ nghệ thuật bình dị, trong sáng.

. ***c.Nền VH chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn***:

-*Khuynh hướng sử thi*:

+Phản ánh những vấn đề sống còn của đất nước.

+Nhân vật chính: Kết tinh những phẩm chất cộng đồng, tiêu biểu cho lí tưởng dân tộc, gắn bó với vận mệnh đất nước.

+Lời văn mang chất sử thi trang trọng, tráng lệ, hào hùng.

-*Cảm hứng lãng mạn*: Thể hiện lí tưởng cuộc sống mới, con người mới. Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tin tưởng vào tương lai đất nước.

II. KHÁI QUÁT VHVN TỪ 1975 ĐẾN HẾT TK XX:

1. Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá:

- Với chiến thắng mùa xuân 1975, lịch sử dân tộc mở ra thời kì mới: thời kì độc lập tự do và thống nhất đất nước.Tuy nhiên từ năm 1975 đến 1985 đất nước ta lại gặp những khó khăn thử thách mới.

- Từ năm 1986 với công cuộc đổi mới, nền kinh tế nước ta từng bước chuyển sang kinh tế thị trường, văn hóa nước ta có điều kiện tiếp xúc rộng rãi với nhiều nước trên thế giới. Đất nước bước vào công cuộc đổi mới, thúc đẩy nền văn học cũng phải đổi mới.

2. Những chuyển biến và một số thành tựu:

•**Thơ**: Từ sau năm 1975, thơ không tạo được sự lôi cuốn hấp dẫn như giai đoạn trước. Tuy nhiên vẫn có những tác phẩm ít nhiều tạo được sự chú ý như: Di cảo thơ (Chế Lan Viên), Tự hát (Xuân Quỳnh)...

•**Văn xuôi**: Từ sau năm 1975 văn xuôi có nhiều khởi sắc hơn thơ ca. Một số cây bút đã bộc lộ ý thức đổi mới cách viết về chiến tranh, cách tiếp cận hiện thực đời sống.

-Từ đầu những năm 1980 văn xuôi tạo được sự chú ý như: Đứng trước biển (Nguyễn Mạnh Tuấn), Mùa lá rụng trong vườn (Ma Văn Kháng), Thời xa vắng (Lê Lựu)...

-Từ năm 1986 văn học chính thức bước vào chặng đổi mới. Văn học gắn bó hơn, cập nhật hơn những vấn đề của đời sống hàng ngày như: Chiếc thuyền ngoài xa (Nguyễn Minh Châu),Tướng về hưu (Nguyễn Huy Thiệp), Mảnh đất lắm người nhiều ma (Nguyễn Khắc Trường), Nỗi buồn chiến tranh (Bảo Ninh), Ai đã đặt tên cho dòng sông? (Hoàng Phủ Ngọc Tường)...

•**Kịch**: Từ sau năm 1975 kịch nói phát triển mạnh mẽ như: Hồn Trương Ba, da hàng thịt (Lưu Quang Vũ), Mùa hè ở biển (Xuân Trình)...

3. Những đặc điểm cơ bản:

- Từ sau 1975 VHVN bước vào thời kì đổi mới.Văn học vận động theo hướng dân chủ hoá, mang tính nhân bản, nhân văn sâu sắc.
- Có tính hướng nội, quan tâm nhiều tới số phận cá nhân trong những hoàn cảnh phức tạp, đời thường.
- Có nhiều tìm tòi đổi mới về nghệ thuật.

X

X X

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

HỒ CHÍ MINH.

PHẦN I: TÁC GIẢ

I.Tiểu sử:

- Hồ Chí Minh sinh ngày 19- 05-1890 tên thật là Nguyễn Sinh Cung, Sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước. Quê ở làng Sen xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
- Cha là phó bảng Nguyễn Sinh Sắc.
- Năm 1911 Người ra đi tìm đường cứu nước, tham gia thành lập nhiều tổ chức CM như Đảng Cộng sản Pháp (1920), Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (1925)...
- Ngày 3/2/ 1930 thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ở Hương Cảng.
- Tháng 2 /1941 về nước hoạt động và thành lập Mặt trận Việt Minh, trực tiếp lãnh đạo cách mạng VN.
- 8/ 1942 lên đường sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ của quốc tế, đến Túc Vinh bị bắt giam suốt 13 tháng.
- Ra tù về nước tiếp tục lãnh đạo CM VN giành thắng lợi trong cuộc Tổng khởi nghĩa cách mạng tháng tám 1945.

- Ngày 2- 9 – 1945 đọc bản Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình khai sinh nước VN Dân chủ Cộng hoà.
- Từ năm 1946-1969, lãnh đạo nhân dân trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ.
- Mất ngày 2- 9 – 1969.
- Hồ Chí Minh là nhà yêu nước và CM vĩ đại của dân tộc, là nhà CM hoạt động lỗi lạc của phong trào QTCS.

II/ Sự nghiệp văn học:

1/ Quan điểm sáng tác :

-Hồ Chí Minh coi văn học là một vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ ngoài mặt trận:

Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong

-Người chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn học, phải có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt và đề cao sự sáng tạo của người nghệ sĩ.

-Xuất phát từ mục đích và đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm. Bác đề ra kinh nghiệm sáng tác cho văn nghệ sĩ: "Viết cho ai?", "Viết để làm gì?", "Viết cái gì?", "Viết như thế nào?". Chính vì thế những tác phẩm của Người có tư tưởng sâu sắc, nội dung thiết thực, hình thức nghệ thuật sinh động, đa dạng.

2/ Di sản văn học :

Lớn lao về tầm vóc tư tưởng, phong phú về thể loại và đặc sắc về phong cách nghệ thuật.

a / Văn chính luận :

-Viết ra chủ yếu với mục đích đấu tranh chính trị nhằm tấn công trực diện kẻ thù, thể hiện những nhiệm vụ CM qua những chặng đường lịch sử .Với những bài báo lên án tội ác của thực dân Pháp kêu gọi những người nô lệ bị áp bức đoàn kết đấu tranh.

-Nghệ thuật: Lí lẽ vững vàng xác đáng, đầy sức thuyết phục, ngôn từ giản dị, cụ thể.

-Tác phẩm: Bản án chế độ thực dân Pháp (1925), Tuyên ngôn độc lập (1945), Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (1946).

b/ Truyện và kí :

-Được viết từ 1922-1925 bằng tiếng Pháp.

-Nội dung: Tố cáo tội ác dã man, bản chất tàn bạo, xảo trá của bọn thực dân và phong kiến tay sai đối với nhân dân lao động các nước thuộc địa, đồng thời đề cao những tấm gương yêu nước và cách mạng.

-Nghệ thuật: Bút pháp hiện đại và nghệ thuật trần thuật linh hoạt, tình huống truyện độc đáo, hình tượng sinh động sắc sảo.

-Tác phẩm tiêu biểu:Vi hành, Con rùa, Lời than vãn của bà Trưng Trắc.

c/ Thơ ca Hồ Chí Minh:

Được in trong các tập:

-Tập thơ NKTT bằng chữ Hán sáng tác từ tháng 1942 đến tháng 1943 (xuất bản năm 1960)

-Thơ Hồ Chí Minh (xb 1967)

-Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh (xb 1990)

❖ **NHẬT KÍ TRONG TÙ**

*** / *Hoàn cảnh sáng tác*:

Tập nhật kí bằng thơ được viết trong thời gian Bác bị giam cầm trong nhà tù Quốc dân đảng tại Quảng Tây Trung Quốc từ mùa thu năm 1942 đến mùa thu 1943. Bác đã ghi lại những gì xảy ra trong nhà tù và trên đường áp giải từ nhà lao này đến nhà lao khác.

***/ *Nội dung:*

Tái hiện một cách chân thật, chi tiết bộ mặt tàn bạo của chế độ nhà tù Quốc dân đảng và một phần hình ảnh xã hội Trung Quốc những năm 1942- 1943 với ý nghĩa phê phán sâu sắc.

Thể hiện tâm hồn và nhân cách cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh thử thách nặng nề của chốn lao tù. Ta tìm thấy ở tập thơ "một tâm hồn vĩ đại của bậc đại nhân, đại trí, đại dũng".

❖ **THƠ HỒ CHÍ MINH**

-Trước CM tháng 8: Sáng tác nhiều bài thơ mộc mạc, giản dị để tuyên truyền đường lối CM trong kháng chiến chống Pháp như: *Pắc Bó hùng vĩ , Tức cảnh Pắc Bó , Ca sợi chỉ ...*

-Sau CM tháng 8: Bộc lộ nội niềm lo lắng về vận mệnh non sông, động viên sức mạnh nhân dân và niềm vui của Người trước thắng lợi như : *Cảnh khuya , Lên núi ...*

3/ Phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh :

❖ **Độc đáo mà đa dạng :**

- *Văn chính luận* :

Ngắn gọn, súc tích, lập luận sắc sảo, chặt chẽ, lý lẽ đanh thép, bằng chứng đầy sức thuyết phục, giàu tính luận chiến, đa dạng về bút pháp.

- *Truyện và ký :*

Hiện đại, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng sắc bén.Tiếng cười trào phúng nhẹ nhàng, hóm hỉnh nhưng thâm thúy sâu cay.

- *Thơ ca* :

Phong cách thơ đa dạng:

@ **Những bài thơ với mục đích tuyên truyền CM**: Giản dị, mộc mạc, mang màu sắc dân gian hiện đại.

@ **Nhiều bài thơ nghệ thuật**:

Viết theo hình thức cổ thi hàm súc, có sự kết hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, giữa trữ tình và chiến đấu.

PHẦN II: TÁC PHẨM

I. Hoàn cảnh sáng tác:

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Nhật đầu hàng Đồng minh.Nhân dân toàn quốc giành chính quyền.
- 26-08-1945, HCM từ Việt Bắc về Hà Nội.Tại 48 Hàng Ngang, Bác soạn thảo bản TNĐL.
- 02-09-1945,tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, trước hàng vạn đồng bào, Người thay mặt chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đọc bản TNĐL khai sinh ra nước Việt Nam mới.
- HCM viết và đọc bản tuyên ngôn khi đế quốc thực dân đang chuẩn bị chiếm lại nước ta. Dưới danh nghĩa là quân đồng minh vào giải giáp vũ khí quân đội Nhật, quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc tiến vào từ phía bắc; quân đội Anh tiến vào từ phía nam; thực dân Pháp theo chân quân Đồng minh, tuyên bố: Đông Dương là thuộc địa của Pháp, bị Nhật chiếm đóng nay Nhật đầu hàng, vậy Đông Dương đương nhiên thuộc quyền "bảo hộ" của Pháp.

* MUC ĐÍCH:

Văn kiện lịch sử này không chỉ đọc trước quốc dân đồng bào mà còn để công bố với thế giới, đặc biệt là với những lực lương thù địch và cơ hội quốc tế. Đồng thời bản tuyên ngôn còn bác bỏ luận điệu đê hèn, đổi trắng thay đen của thực dân Pháp.

II. Nội dung tác phẩm:

Phần 1 (từ đầu đến "Không ai chối cãi được"): Nêu cơ sở pháp lí của tuyên ngôn

- Người đã trích dẫn bản hai bản "Tuyên ngôn độc lập" (1776) của Mỹ và "Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền" (1791) của Pháp.
- Hai bản Tuyên ngôn này khẳng định quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của mọi con người ở mọi dân tộc.

Phần 2 (từ "Thế mà… phải được độc lập"): Cơ sở thực tiễn.

- Bằng giọng văn hùng hồn mạnh mẽ, đầy sức thuyết phục, đoạn văn đã tố cáo hùng hồn và đanh thép tội ác của thùc dân Pháp. Bằng phương pháp liệt kê, tác giả đã nêu lên hàng loạt tội ác của thực dân Pháp trên các mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục và ngoại giao:
  Tội 1: Cướp nước ta, bóc lột dân ta hơn 80 năm. Bác bỏ cái gọi là "công khai hóa".
  Tội 2: Bán nước ta hai lần cho Nhật. Bác bỏ cái gọi là "công bảo hộ".
- Khẳng định cuộc đấu tranh và lập trường cách mạng của nhân dân:
  Khẳng định nhân dân ta đứng về phía Đồng minh chống Phát xít.
  Phủ định chế độ thực dân và khẳng định chính nghĩa của dân tộc.

***Phần 3 (còn lại)*:** Lời tuyên ngôn và tuyên bố về ý chí bảo vệ nền độc lập của toàn dân tộc

- Tuyên bố về quyền độc lập của dân tộc
- Tuyên bố về ý chí, quyết tâm bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

III.Giá trị bản Tuyên ngôn:

****TNĐL là văn kiện lịch sử*** tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về việc chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến ở nước ta, đánh dấu kỉ nguyên độc lập, tự do của nước VN mới.

****Tác phẩm là một áng văn chính luận mẫu mực***: Lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, ngôn ngữ hùng hồn, vừa tố cáo mạnh mẽ tội ác của TDP vừa bộc lộ tình cảm yêu nước, thương dân và khát vọng độc lập, tự do cháy bỏng của tác giả và toàn dân tộc.

TIẾT LUYỆN TẬP:

Đọc đoạn văn bản:

"Thế mà hơn 80 năm nay…vô cùng tàn nhẫn"

(Trích Tuyên ngôn Độc lập)

Trả lời các câu hỏi sau:

1. Nêu nội dung của đoạn văn bản.
2. Phân tích hiệu quả nghệ thuật của phép điệp cấu trúc trong văn bản trên.
3. Qua văn bản, trình bày suy nghĩ của anh/chị về lập luận của Hồ Chí Minh.